

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020.

V/v “ Xin ly hôn ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Trọng Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Mai Liên.

2. Ông Đoàn Khắc Báu.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:* Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/06/2020 về việc “Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T1. Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 3, xã L, huyện K, Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: Bản K, xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Số 127, đường L, thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh, Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Đình T2. Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm 3, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà ngày hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị T1 trình bày:

Chị Phạm Thị T1 và anh Phan Đình T2 đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Nghệ An trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về cùng sống với bố mẹ chồng tại xóm 3, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T2 không lo tu chí làm ăn, suốt ngày rượu chè, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc với nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Mặc dù chị T1 đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua nhưng anh T2 vẫn không thay đổi cách sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 và chị T1 cùng 2 con đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại huyện S, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Chị T1 xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thể sống chung được nên làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 người con chung. Con thứ nhất tên là Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 08/08/2008. Con thứ hai tên là Phan Đình Đ, sinh ngày 05/4/2010, chị Phạm Thị T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu anh Phan Đình T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Đình T2 trình bày:

Vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị T1 trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do là vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, bất hòa quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị T1 bỏ về nhà cha mẹ đẻ từ năm 2018 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau. Nay chị T1 xin ly hôn anh T2 không đồng ý ly hôn và mong muốn chị T1 trở về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất là Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 08/08/2008. Con thứ hai tên là Phan Đình Đ, sinh ngày 05/4/2010. Anh T2 không đồng ý để chị T1 nuôi con và có nguyện vọng được nuôi cả 2 con, không yêu cầu Chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T1 và anh T2 không thể đoàn tụ, không thể thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung. Còn tài sản hai vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Phạm Thị T1 có ý kiến: Về quan hệ tình cảm vợ chồng trong quá trình chung sống thường xuyên có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T1 làm đơn xin ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T1 ly hôn với anh T2. Về con chung: Chị T1 hiện nay đã đưa 2 con về sinh sống tại huyện S, tỉnh Nghệ An và 2 con hiện nay đang học tại trường trung học cơ sở M, xã L, huyện S, tỉnh Nghệ An và trường tiểu học M, huyện S, tỉnh Nghệ An. Hai con ăn học ổn định, chị T1 có thu nhập từ buôn bán mỗi tháng từ 6 đến 7 triệu đồng đủ điều kiện

nuôi 2 con ăn học để các con trưởng thành, 2 con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, đề nghị HĐXX giao 2 con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn còn thiếu tôn trọng Hội đồng xét xử chưa chấp hành đầy đủ nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu của chị Phạm Thị T1, đồng ý cho chị Phạm Thị T1 được ly hôn với anh Phan Đình T2 theo Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con cái:

Căn cứ nguyện vọng của 2 con cũng như căn cứ điều kiện chăm sóc và khả năng nuôi dưỡng các con của chị T1 và anh T2, ý kiến của chính quyền địa phương xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và UBND xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An, đề nghị HĐXX giao 2 con chung là cháu Phan Thị Mỹ L và cháu Phan Đình Đ cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành. Chị Phạm Thị T1 không yêu cầu anh Phan Đình T2 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Vợ chồng chị T1 và anh T2 thuộc diện hộ nghèo của xã L nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và nguyên đơn chị Phạm Thị T1 có chỗ ở hiện nay là Bản K, xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An. Do vậy, đây là vụ án có quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” và thẩm quyền giải quyết thuộc của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Điều, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị T1 và anh Phan Đình T2 đăng ký kết hôn vào ngày 17/09/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Nghệ An trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 là hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Sự việc đã được gia đình nội ngoại hai bên hòa giải, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành, chị T1 và anh T2 đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Lý do anh T2 không thuận tình ly hôn là vì anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T1 nên không thỏa thuận ly hôn nhưng thực chất giữa hai vợ chồng hiện nay đã không còn tình cảm, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị T1 làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận chị T1 được ly hôn với anh T2.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 08/08/2008. Con thứ hai tên là Phan Đình Đ, sinh ngày 05/04/2010. Trong quá trình hòa giải, chị T1 và anh T2 không thỏa thuận được với nhau, hai bên đều dành quyền nuôi 2 con và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các con trưởng thành.

Xét điều kiện hoàn cảnh của anh Phan Đình T2 nhận trực tiếp 2 con Phan Thị Mỹ L, Phan Đình Đ Hội đồng xét thấy không đảm bảo, bởi qua xác minh tại chính quyền địa phương xã L cho biết, hiện tại anh Phan Đình T2 sống một mình, điều kiện kinh tế khó khăn, không đủ sống, thường xuyên rượu chè, gây gổ với nhiều người khác, thu nhập không ổn định.

Xét điều kiện nuôi con của chị Phạm Thị T1 thấy rằng, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên đánh đập nhau dẫn đến chị T1 cùng 2 con bỏ về nhà cha mẹ đẻ của chị T1 tại huyện S, tỉnh Nghệ An sinh sống và đã nhập học cho 2 con tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở M, huyện S, tỉnh Nghệ An. Qua Ủy thác xác minh tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An cho biết điều kiện của chị Phạm Thị T1, hiện tại 2 con đang được chị T1 và cha, mẹ đẻ chị T1 nuôi ăn học, chị T1 đi làm ăn buôn bán kiếm tiền để nuôi con. Tiến hành lấy lời khai ý kiến của các con cho biết 2 con Phan Thị Mỹ L, Phan Đình Đ đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Từ năm 2018 đến nay đã nhập học ổn định tại huyện S, tỉnh Nghệ An, kết quả học tập được giáo viên chủ nhiệm nhận xét về học lực trung bình, có hạnh kiểm tốt. Nguyên vọng của 2 con xin được ở với mẹ vì ở với mẹ có đủ điều kiện ăn học, không muốn 2 chị em xa nhau. Tại phiên tòa chị T1 trình bày là chị đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con trưởng thành. Việc chị T1 nhận trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, ý kiến đề nghị của chính quyền địa phương xã L, huyện K; UBND xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn; đề nghị của Kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận việc giao con chung là Phan Thị Mỹ L và Phan Đình Đ cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của 2 con.

Chị T1 không yêu cầu anh Phan Đình T2 cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản là phù hợp với điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T1 và anh Phan Đình T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí cho các đương sự.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Xử cho chị Phạm Thị T1 được ly hôn anh Phan Đình T2.

2. Về con chung: Giao 2 con chung Phan Thị Mỹ L, sinh ngày 08/08/2008 và Phan Đình Đ, sinh ngày 05/4/2010 cho chị Phạm Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Phạm Thị T1 không yêu cầu anh Phan Đình T2 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Đình T2 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh Phan Đình T2 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên trực tiếp nuôi dưỡng các con.

3. Về án phí: Miễn án phí cho các bên đương sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Trọng Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai Liên

Đoàn Khắc Báu

Lê Trọng Hùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trọng Hùng